

# KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ XÂY DỰNG CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

Nguyễn Đức Thọ<sup>1,\*</sup>, Nguyễn Thị Vân<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

Trong bối cảnh phát triển bền vững trở thành định hướng chủ đạo của tăng trưởng toàn cầu, nhiều quốc gia đã xây dựng và áp dụng các hệ thống chỉ tiêu nhằm đánh giá mức độ phát triển bền vững của khu vực kinh tế tư nhân, với trọng tâm là tích hợp các tiêu chí môi trường, xã hội và quản trị. Bài viết phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia tiêu biểu gồm Ấn Độ, Trung Quốc và Brazil trong việc thiết kế và vận hành các bộ chỉ số đánh giá phát triển bền vững doanh nghiệp, làm rõ xu hướng chuyển dịch từ cơ chế tự nguyện sang bắt buộc, từ trách nhiệm xã hội doanh nghiệp rời rạc sang khuôn khổ môi trường, xã hội và quản trị (ESG) toàn diện, cũng như từ tự báo cáo sang giám sát và công bố thông tin minh bạch. Trên cơ sở đó, bài viết rút ra các hàm ý chính sách cho Việt Nam, nhấn mạnh sự cần thiết phải xây dựng một hệ thống chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững phù hợp với đặc thù khu vực kinh tế tư nhân, qua đó hỗ trợ hoạch định chính sách và thúc đẩy tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

**Từ khóa:** Phát triển bền vững, kinh tế tư nhân, chỉ tiêu đánh giá, ESG, Việt Nam.

**Ngày nhận bài:** 06/01/2026; **Ngày phản biện:** 25/01/2026; **Ngày duyệt đăng:** 20/03/2026

## ABSTRACT

As sustainable development has become a central orientation of global economic growth, many countries have developed and implemented indicator systems to assess the sustainability performance of the private sector, with a particular emphasis on integrating environmental, social and governance criteria. This paper examines the experiences of selected countries, namely India, China and Brazil, in designing and operating sustainability assessment frameworks for private enterprises. The analysis highlights key international trends, including the shift from voluntary to mandatory approaches, the transition from fragmented corporate social responsibility practices to comprehensive environmental, social and governance frameworks, and the move from self-reporting toward enhanced monitoring and transparent disclosure. Based on these international experiences, the paper derives policy implications for Vietnam, emphasizing the need to establish a sustainability assessment indicator system tailored to the specific characteristics of the private sector. Such a system would provide an important foundation for effective policy formulation and support sustainable long-term growth.

**Keywords:** Sustainable development, private sector, sustainability indicators, ESG, Vietnam

\*Email: nguyenductho@gmail.com

### 1. Đặt vấn đề

Trong nhiều thập niên gần đây, khu vực kinh tế tư nhân (KVKTNN) đã chuyển dịch từ vị thế hỗ trợ sang vai trò động lực trung tâm của tăng trưởng kinh tế tại hầu hết các quốc gia, bao gồm cả các nền kinh tế đang phát triển và chuyên đổi. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, khu vực tư nhân hiện đóng góp phần lớn giá trị gia tăng, tạo việc làm và là nguồn lực chủ yếu thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong nền kinh tế thị trường hiện đại (OECD, 2022). Tại Việt Nam, KVKTNN đã có sự phát triển nhanh chóng cả về quy mô và phạm vi hoạt động; theo Tổng cục Thống kê, khu vực này hiện đóng góp

khoảng 42-45% GDP, tạo ra hơn 85% tổng số việc làm trong khu vực DN và ngày càng giữ vai trò quan trọng trong huy động vốn xã hội cho đầu tư phát triển (Tổng cục Thống kê, 2023).

Tuy nhiên, quá trình mở rộng nhanh về số lượng và quy mô của KVKTNN cũng đặt ra những thách thức lớn liên quan đến chất lượng tăng trưởng. Thực tiễn quốc tế cho thấy tăng trưởng dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên, sử dụng lao động giá rẻ và tiêu hao năng lượng cao có thể mang lại lợi ích ngắn hạn nhưng tiềm ẩn nhiều rủi ro về môi trường, xã hội và ổn định kinh tế vĩ mô trong dài hạn. Trong bối cảnh đó, câu hỏi về tính bền

<sup>1</sup>Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị

vững của tăng trưởng KVKTTN trở thành một vấn đề mang tính chiến lược, không chỉ đối với doanh nghiệp (DN) mà còn đối với các nhà hoạch định chính sách.

Song song với quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển bền vững đã trở thành một khuôn khổ chuẩn mực chi phối mạnh mẽ hành vi của DN trên phạm vi toàn cầu. Các khái niệm như phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn, trách nhiệm xã hội DN và đầu tư có trách nhiệm ngày càng được thể chế hóa trong các chiến lược phát triển quốc gia và các chuẩn mực thị trường quốc tế. Đặc biệt, khuôn khổ môi trường, xã hội và quản trị (ESG) đã nổi lên như một hệ tiêu chí quan trọng nhằm đo lường mức độ bền vững và khả năng tạo giá trị dài hạn của DN, đồng thời trở thành cơ sở ra quyết định của các nhà đầu tư, tổ chức tài chính và cơ quan quản lý (UNEP, 2019; OECD, 2022).

Trong thực tiễn, nhiều quốc gia đã chuyển từ cách tiếp cận khuyến khích tự nguyện sang xây dựng các hệ thống chỉ tiêu và cơ chế báo cáo bền vững mang tính bắt buộc đối với khu vực DN, trước hết là các DN niêm yết và các DN lớn trong khu vực tư nhân. Các hệ thống chỉ tiêu này thường được thiết kế theo hướng tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs) với các tiêu chí ESG, qua đó cho phép lượng hóa mức độ đóng góp của DN vào phát triển bền vững ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô (United Nations, 2015).

Đối với Việt Nam, mặc dù quan điểm phát triển bền vững đã được khẳng định trong nhiều chiến lược và chương trình phát triển kinh tế - xã hội, việc đánh giá mức độ phát triển bền vững của KVKTTN hiện vẫn còn phân tán và thiếu một khuôn khổ chỉ tiêu thống nhất. Phần lớn các công cụ đánh giá hiện nay mới dừng lại ở cấp độ DN đơn lẻ hoặc tập trung vào một số khía cạnh riêng biệt như môi trường hoặc trách nhiệm xã hội, trong khi chưa phản ánh đầy đủ vai trò tổng thể của KVKTTN trong tiến trình phát triển bền vững quốc gia. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và vận hành các bộ chỉ tiêu đánh giá sự phát triển bền vững của KVKTTN có ý nghĩa quan trọng, vừa cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện khung chính sách trong nước, vừa góp phần định hướng KVKTTN Việt Nam phát triển theo hướng hiệu quả, xanh và bền vững hơn trong dài hạn.

## **2. Kinh nghiệm một số nước về chỉ tiêu đánh giá sự phát triển bền vững khu vực kinh tế tư nhân**

### **2.1. Kinh nghiệm tại Ấn Độ**

Tại Ấn Độ, KVKTTN đã phát triển mạnh mẽ cả về quy mô DN lẫn vai trò trong nền kinh tế quốc dân, đặc

biệt kể từ khi quốc gia này triển khai các cải cách kinh tế theo hướng tự do hóa, tư nhân hóa và hội nhập quốc tế từ năm 1991. Quá trình cải cách đã tạo ra sự chuyển dịch rõ nét trong cấu trúc DN, thể hiện qua sự gia tăng nhanh chóng về số lượng và quy mô của khu vực tư nhân. Theo số liệu của cơ quan quản lý DN Ấn Độ, trong giai đoạn từ năm tài chính 1956-1957 đến năm 2014-2015, số lượng DN tư nhân đã tăng từ khoảng 29 nghìn lên trên 1 triệu DN, phản ánh xu thế mở rộng mạnh mẽ của khu vực này trong nền kinh tế.

Cùng với sự gia tăng về số lượng DN, quy mô vốn đăng ký và vốn huy động của KVKTTN cũng tăng nhanh, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng vốn đầu tư xã hội. Bước sang những năm 2000, KVKTTN tại Ấn Độ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tương đối ổn định, mặc dù chịu tác động nhất định từ khủng hoảng tài chính toàn cầu và các điều chỉnh chính sách trong nước. Trong cơ cấu nền kinh tế, khu vực tư nhân hiện đóng góp trên 55% tổng sản phẩm quốc nội và giữ vai trò chủ đạo trong mở rộng sản xuất, thương mại và dịch vụ, đặc biệt trong các ngành công nghệ thông tin, tài chính, viễn thông và công nghiệp chế tạo. Đồng thời, khu vực này cũng tạo ra một lượng lớn việc làm, góp phần quan trọng vào việc hấp thụ lao động trong bối cảnh thị trường lao động có tỷ lệ phi chính thức còn cao.

Trước những thách thức ngày càng gia tăng về môi trường và xã hội trong quá trình phát triển nhanh của khu vực tư nhân, Chính phủ Ấn Độ sớm nhận thức được sự cần thiết phải gắn tăng trưởng kinh tế với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Ngay từ đầu thập niên 1990, yêu cầu công bố thông tin liên quan đến tác động môi trường của DN đã từng bước được lồng ghép trong hệ thống quy định quản lý nhà nước. Dấu mốc quan trọng trong tiến trình này là việc ban hành Bộ hướng dẫn tự nguyện về trách nhiệm xã hội, môi trường và kinh tế của DN vào năm 2011, qua đó hình thành một khuôn khổ định hướng tương đối toàn diện cho hành vi kinh doanh có trách nhiệm trong khu vực DN.

Đặc biệt, Luật DN năm 2013 được xem là bước tiến mang tính đột phá trong việc thể chế hóa trách nhiệm xã hội của DN tại Ấn Độ. Theo quy định của luật này, các DN đạt ngưỡng quy mô nhất định có nghĩa vụ dành tối thiểu 2% lợi nhuận sau thuế cho các hoạt động trách nhiệm xã hội và phải công bố công khai, minh bạch các hoạt động này trong báo cáo thường niên. Đây là trường hợp đầu tiên trên thế giới mà trách nhiệm xã hội của DN được luật hóa như một nghĩa vụ pháp lý bắt buộc, gắn liền với cơ chế giám sát và công bố thông tin.

Trong giai đoạn gần đây, cách tiếp cận của Ấn Độ đối với phát triển bền vững DN tiếp tục được điều chỉnh theo hướng tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế. Cơ quan quản lý thị trường chứng khoán Ấn Độ đã ban hành khuôn khổ báo cáo về trách nhiệm kinh doanh và phát triển bền vững, thay thế các hướng dẫn trước đó, yêu cầu các DN niêm yết quy mô lớn thực hiện công bố thông tin liên quan đến các khía cạnh môi trường, xã hội, quản trị DN. Song song với việc hoàn thiện cơ chế báo cáo, Ấn Độ cũng đang nghiên cứu xây dựng các chỉ số đánh giá mức độ phát triển bền vững của DN nhằm tăng cường năng lực giám sát và định hướng KVKTTN trong quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng bền vững.

### **2.2. Kinh nghiệm tại Trung Quốc**

Tại Trung Quốc, KVKTTN đã trở thành một trụ cột quan trọng của nền kinh tế trong quá trình cải cách và mở cửa. Theo các báo cáo chính thức, DN tư nhân hiện chiếm hơn 80% tổng số DN đang hoạt động, đóng góp trên 60% GDP và hơn một nửa tổng thu ngân sách quốc gia. Đặc biệt, khu vực này giữ vai trò then chốt trong tạo việc làm, với tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực tư nhân gia tăng nhanh chóng trong thập niên 2010.

Bên cạnh đóng góp về số lượng việc làm, KVKTTN Trung Quốc cũng góp phần cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc của người lao động, nhất là trong các ngành công nghệ cao và dịch vụ hiện đại. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng nhanh cũng làm gia tăng các thách thức liên quan đến tiêu thụ năng lượng, phát thải, an toàn lao động và bất bình đẳng xã hội, buộc Chính phủ Trung Quốc phải lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào chiến lược phát triển DN.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng DN vì Phát triển Bền vững Trung Quốc đã xây dựng và công bố Chỉ số Bền vững DN Trung Quốc, dựa trên khung đánh giá đa chiều kết hợp giữa hiệu quả kinh tế, sử dụng tài nguyên - năng lượng và đóng góp xã hội. Bộ chỉ số này được thiết kế nhằm lượng hóa mức độ phát triển bền vững của DN, trước hết áp dụng cho các DN lớn và các ngành công nghiệp trọng điểm.

Kinh nghiệm triển khai cho thấy các DN lớn, đặc biệt là nhóm DN dẫn đầu thị trường, có mức độ sẵn sàng cao trong việc tiếp cận và áp dụng các tiêu chí bền vững. Tuy nhiên, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng mức độ tích hợp ESG còn chưa đồng đều giữa các ngành và giữa các nhóm DN, trong khi các DN nhỏ và vừa vẫn gặp nhiều khó khăn về nguồn lực và năng lực quản trị (OECD, 2022). Điều này cho thấy vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc thiết kế các bộ chỉ tiêu phù hợp với điều

kiện nội tại và hỗ trợ quá trình chuyển đổi bền vững của khu vực tư nhân.

### **2.3. Kinh nghiệm tại Brazil**

Tại Brazil, phát triển bền vững DN được thúc đẩy mạnh mẽ thông qua các công cụ thị trường vốn, trong đó nổi bật là Chỉ số Bền vững DN (ISE) do Sở Giao dịch Chứng khoán BM&FBOVESPA (nay là B3) xây dựng. ISE được thiết kế như một chỉ số đầu tư phản ánh hiệu quả tổng hợp của các DN niêm yết có mức độ cam kết cao đối với phát triển bền vững, dựa trên một danh mục cổ phiếu được lựa chọn theo các tiêu chí môi trường, xã hội và quản trị.

Một điểm đặc trưng của mô hình Brazil là sự tham gia rộng rãi của các tổ chức trung gian như hiệp hội nhà đầu tư, tổ chức tài chính, viện nghiên cứu và các cơ quan quản lý môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành chỉ số. Khung đánh giá của ISE được phát triển trên nền tảng lý thuyết “Triple Bottom Line”, đo lường hiệu quả DN đồng thời trên ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường, với các tiêu chí cụ thể về chính sách, quản lý, hiệu suất và tuân thủ pháp luật.

Thông qua việc gắn phát triển bền vững với lợi ích tài chính và khả năng tiếp cận vốn, mô hình ISE đã tạo ra động lực thị trường quan trọng thúc đẩy DN Brazil tích hợp ESG vào chiến lược kinh doanh dài hạn. Kinh nghiệm này cho thấy vai trò của thị trường vốn trong việc lan tỏa các chuẩn mực phát triển bền vững, đồng thời hỗ trợ hiệu quả cho các công cụ quản lý nhà nước truyền thống.

### **3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

Tại Việt Nam, việc tiếp cận và nội luật hóa các quan điểm phát triển bền vững đã được triển khai tương đối sớm trong tiến trình hội nhập quốc tế. Ngay từ sau Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất tại Rio de Janeiro năm 1992, Việt Nam đã tham gia xây dựng và thực thi Chương trình Nghị sự 21, qua đó từng bước lồng ghép các nguyên tắc phát triển bền vững vào chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp quốc gia. Trong giai đoạn tiếp theo, việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) đã tạo nền tảng quan trọng cho quá trình chuyển tiếp sang Chương trình Nghị sự 2030 và các SDGs, với phạm vi bao trùm rộng hơn và yêu cầu cao hơn về tính tích hợp giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường (United Nations, 2015).

Trên phương diện thể chế, Việt Nam đã ban hành nhiều chiến lược, chương trình và cơ quan điều phối liên quan đến phát triển bền vững, như Chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường, Chiến lược phát triển kinh tế - xã

hội các giai đoạn 2001-2010, 2011-2020, cũng như thành lập Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững. Đồng thời, hệ thống bộ chỉ tiêu phát triển bền vững đã được xây dựng và áp dụng ở nhiều cấp độ, bao gồm bộ chỉ tiêu cấp quốc gia, cấp địa phương và bộ chỉ tiêu phục vụ giám sát việc thực hiện MDGs và SDGs. Những nỗ lực này cho thấy cam kết nhất quán của Việt Nam trong việc thể chế hóa phát triển bền vững như một định hướng xuyên suốt trong quản lý phát triển (Chính phủ, 2020).

Tuy nhiên, so với kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là các trường hợp như Ấn Độ, Trung Quốc và Brazil, một khoảng trống đáng kể vẫn tồn tại trong việc đánh giá mức độ phát triển bền vững của KVKTTN. Cho đến nay, Việt Nam chưa xây dựng được một bộ chỉ tiêu chuyên biệt nhằm đo lường sự phát triển bền vững của khu vực này ở cấp độ tổng thể. Các công cụ hiện hành chủ yếu tập trung vào đánh giá từng DN đơn lẻ hoặc một số khía cạnh riêng biệt như môi trường, trách nhiệm xã hội hay tuân thủ pháp luật, trong khi chưa phản ánh đầy đủ vai trò, đặc thù và mức độ đóng góp của KVKTTN trong tiến trình phát triển bền vững quốc gia (OECD, 2022).

Từ góc độ lý luận và thực tiễn, việc xây dựng một hệ thống chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững dành riêng cho KVKTTN tại Việt Nam là cần thiết vì nhiều lý do. Thứ nhất, khu vực này có cấu trúc rất đa dạng về quy mô, loại hình sở hữu, trình độ công nghệ và năng lực quản trị, đòi hỏi các chỉ tiêu đo lường phải được thiết kế linh hoạt và phù hợp với điều kiện nội tại. Thứ hai, kinh nghiệm quốc tế cho thấy các bộ chỉ số phát triển bền vững không chỉ là công cụ giám sát mà còn đóng vai trò quan trọng trong định hướng hành vi DN, hỗ trợ hoạch định chính sách và thúc đẩy dòng vốn đầu tư bền vững, đặc biệt đối với nhóm DN nhỏ và vừa.

Bên cạnh đó, hệ thống chỉ tiêu phát triển bền vững cho KVKTTN cần được xây dựng theo hướng toàn diện và đa chiều, kết hợp hài hòa giữa các trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường. Một hệ thống như vậy không chỉ giúp DN nhận diện rõ hơn các điểm mạnh, điểm yếu và rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, mà còn tạo cơ sở thông tin đáng tin cậy cho các bên liên quan như nhà đầu tư, người lao động và cơ quan quản lý nhà nước. Trên cơ sở đó, các chính sách hỗ trợ và điều tiết có thể được thiết kế theo hướng có trọng tâm, phù hợp với từng nhóm DN, từng ngành và từng địa phương, qua đó phát huy hiệu quả vai trò của KVKTTN như một động lực quan trọng của phát triển bền vững ở Việt Nam trong dài hạn.

#### 4. Kết luận

Phân tích kinh nghiệm của Ấn Độ, Trung Quốc và

Brazil cho thấy một xu hướng chung trong phát triển khung đánh giá bền vững khu vực DN, đó là sự dịch chuyển từ các cơ chế tự nguyện sang bắt buộc, từ tiếp cận trách nhiệm xã hội DN mang tính rời rạc sang tích hợp toàn diện các tiêu chí môi trường, xã hội và quản trị, cũng như từ tự báo cáo sang giám sát và công bố thông tin minh bạch. Mặc dù mỗi quốc gia lựa chọn một lộ trình và công cụ chính sách khác nhau, điểm gặp gỡ cốt lõi nằm ở nhận thức rằng phát triển DN bền vững là điều kiện không thể tách rời của tăng trưởng dài hạn và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Đối với Việt Nam, những kinh nghiệm này cho thấy việc thúc đẩy KVKTTN phát triển bền vững không thể chỉ dừng lại ở khuyến khích trách nhiệm xã hội hay lồng ghép ESG ở mức định hướng, mà cần tiến tới xây dựng một khuôn khổ chỉ tiêu đo lường rõ ràng, có khả năng lượng hóa, đi kèm với cơ chế giám sát và khuyến khích phù hợp.

#### Tài liệu tham khảo

Chính phủ. (2020), “Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững”, *Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.

Government of India. (2013), “The Companies Act, 2013”, *Ministry of Corporate Affairs*, New Delhi, India.

Ministry of Corporate Affairs. (2011), “National voluntary guidelines on social, environmental and economic responsibilities of business”, *Government of India*, New Delhi, India.

Ministry of Corporate Affairs. (2015), “Annual report 2014–2015”, *Government of India*, New Delhi, India.

OECD. (2022), “Policy framework for investment: Responsible business conduct”, *OECD Publishing*, Paris, France.

Securities and Exchange Board of India. (2021), “Business Responsibility and Sustainability Reporting (BRSR)”, *SEBI*, Mumbai, India.

Securities and Exchange Board of India. (2021), “Format for Business Responsibility and Sustainability Reporting (BRSR)”, *SEBI*, Mumbai, India.

Tổng cục Thống kê (2023), *Sách trắng DN Việt Nam 2023*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

United Nations Environment Programme. (2019), “Measuring private sector impacts on the Sustainable Development Goals”, *UNEP*, Nairobi, Kenya.

United Nations. (2015), “Transforming our world: The 2030 Agenda for Sustainable Development”, *United Nations*, New York, NY.